

Bản án số: 21/2018/HS-PT
Ngày 27 -11- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Khanh và bà Trần Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2018/TLPT - HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Triệu Phúc T do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn U đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Triệu Phúc T - Sinh ngày 14/5/1999 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Văn M và con bà Triệu Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Phúc T: Ông Trần K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1991 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Văn U - Sinh năm 1963. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1966. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Văn U.

Đều cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Hoàng Văn Đ - Luật sư, Văn phòng Luật sư Lào Cai thuộc đoàn luật sư tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 28/02/2018, Bàn Ông C điều khiển xe mô tô BKS 24B2- 320.25 chở Triệu Phúc T và Bàn Ông Ch điều khiển xe mô tô BKS 24V1- 111.71 đi đường tỉnh lộ 151B hướng từ xã H về xã N, huyện V. Khi đi đến khu vực thủy điện S thì gặp xe mô tô BKS 24V1-154.92 do Nguyễn Văn D chở Hoàng Văn K và xe mô tô BKS 24B1- 790.83 do Hoàng Ngọc K đi ngược chiều. Quan sát thấy xe của D và K điều khiển đi song song nhau, nên C bấm còi và nháy đèn để xin đường đồng thời chửi nhóm của D, K, K. Khi đi được khoảng 01 km, D rủ K và K quay lại, K và K đồng ý. K xuống xe vào ven đường bề 01 đoạn gậy gỗ dài 1,36m, một đầu có đường kính 5cm, đầu còn lại 4cm lên xe mô tô cùng D quay xe đuôi theo nhóm của C, T, Ch. Khi đến Km 8+50 tỉnh lộ 151B, Bàn Ông Ch dừng xe lại phía bên trái đường để uống nước, C và T cũng dừng xe phía bên phải đường đợi. Cùng lúc này D điều khiển xe mô tô chở K đến, K xuống xe hỏi vì sao nhóm của T vừa chửi nhóm của mình rồi cầm gậy lao vào vụt trúng vùng đỉnh chằm bên trái Bàn Ông Ch, tiếp đó K cầm gậy chạy vòng lên phía trước, Ch cầm mũ bảo hiểm ném theo nhưng không trúng. C xuống xe để can ngăn thì bị D lao vào ôm, giữ, vật nhau làm cả hai ngã ra đường, D ngồi lên bụng, dùng tay đâm vào vùng đầu, ngực C. T thấy vậy liền lao vào kéo D ra. Sau đó T quay lại đi ngược lên vị trí để xe mô tô BKS 24B2- 320.25 thì bị K đang đứng gần cầm gậy lao đến vụt, T dơ tay trái lên đỡ thì bị vụt trúng vào cẳng tay. T lùi về phía lề đường bên phải theo chiều đi của mình khoảng 02 mét, nhặt 01 đoạn gậy gỗ đã khô dài 86cm, đường kính một đầu 4cm, đầu còn lại 2,5cm rồi đi ra lòng đường. Khi đi đến vị trí đối diện với D, cách D đang đứng 1,1m, T cầm gậy vụt ngang từ phải qua trái thì trúng vào phần sườn bên trái D, lúc này D bị vụt nên di chuyển ngang về hướng xã H khoảng một, hai bước, T tiếp tục dơ gậy lên vụt về phía D và trúng vào đầu của D. K chạy đến kéo tay D chạy khoảng 200m về phía xã H rẽ xuống ta luy âm trơn, K chạy trơn theo hướng khác. Tiếp đó Ch gọi điện thoại báo cáo sự việc với Ban Công an xã N để giải quyết, C và T đuổi theo nhóm của D một đoạn khoảng 5-6m rồi quay lại. Khi lực lượng Công an xã đến, mọi người đưa D đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện V, sau đó được chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai. Đến ngày 02/3/2018 thì D tử vong.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 04/2018/GĐPY ngày 02/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai kết luận: Nguyên nhân Nguyễn Văn D bị tử vong do ngừng hô hấp - ngừng tuần hoàn do tụ máu nội sọ, dập não sau chấn thương sọ não kín.

Tại Bản án số 46/2018/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Triệu Phúc T phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Phúc T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 591 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Phúc T phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L 38.400.000đ tiền chi phí cho việc cứu chữa, mai táng phí đối với bị hại Nguyễn Văn D và 69.500.000đ tiền tổn thất tinh thần. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 107.900.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, quyền kháng cáo, án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/10/2018 người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn D là ông Nguyễn Văn U đã có đơn kháng cáo đề nghị xét xử chuyển tội danh từ tội “*Cố ý gây thương tích*” sang tội “*Giết người*” và tăng mức bồi thường đối với bị cáo Triệu Phúc T.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo Triệu Phúc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn U trình bày ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị xét xử chuyển tội danh từ tội “*Cố ý gây thương tích*” sang tội “*Giết người*” đối với bị cáo Triệu Phúc T và yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền gồm: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền chi phí cứu chữa người bị hại, tiền mai táng phí và 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần; tổng cộng bị cáo phải bồi thường 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng).

- Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện bị hại là ông Nguyễn Văn U, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai về phần tội danh và hình phạt như sau: Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Phúc T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện bị hại là ông Nguyễn Văn U; sửa một phần bản án số: 46/2018/HS-ST ngày 08 tháng 10 năm

2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai về phân trách nhiệm dân sự như sau:

Áp dụng Điều 584; Điều 591 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Phúc T phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L gồm:

+ 46.900.000đ (bốn mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng) tiền chi phí cho việc cứu chữa, mai táng bị hại Nguyễn Văn D;

+ Từ 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) đến 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần;

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Phúc T trình bày quan điểm bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án tù 07-08 năm tù và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Hoàng Văn Đến trình bày quan điểm bảo vệ: Bị cáo T đã có hành vi dùng gậy là hung khí nguy hiểm đánh 01 phát vào đầu của bị hại là vùng nguy hiểm và sau khi đánh bị hại đã không cấp cứu bị hại, có ý thức bỏ mặc hậu quả chết người xảy ra nên đề nghị xét xử chuyên tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” đối với bị cáo Triệu Phúc T và yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho đại diện bị hại tổng số tiền gồm: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền chi phí cứu chữa người bị hại, tiền mai táng phí và 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần; tổng cộng bị cáo phải bồi thường 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, đại diện bị hại không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Văn U đề nghị xét xử chuyên tội danh từ tội “Cố ý gây thương tích” sang tội “Giết người” đối với bị cáo Triệu Phúc T:

Lời khai nhận tội của bị cáo Triệu Phúc T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, những người làm chứng trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Giữa bị cáo Triệu Phúc T và bị hại Nguyễn Văn D không quen biết nhau, chỉ vì mâu thuẫn trong quá trình tham gia giao thông, do không kiểm chế được bản thân nên bị hại D cùng với Hoàng Văn K,

Hoàng Ngọc K đã có hành vi dùng gậy đánh nhóm của bị cáo Triệu Phúc T, Bàn Ông C, Bàn Ông Ch. Trong khi đánh nhau, bị cáo T bị Nguyễn Văn K dùng gậy vọt trúng vào cẳng tay trái, do bị đau và bức tức nên bị cáo đã nhặt 01 đoạn gậy gỗ khô dài 86cm, đường kính một đầu 4cm, đầu còn lại 2,5cm ở ven đường để đánh nhau, lúc này khi thấy anh D đang vật lộn, giằng co với C ở vị trí gần bị cáo nhất nên bị cáo T đã dùng gậy vọt 01 phát vào mạng sườn và 01 phát vào đầu bị hại D. Đối với bị hại D được đi cấp cứu nhưng đến ngày 02/3/2018 đã tử vong.

Trong vụ án này, mặc dù bị cáo T đã có hành vi dùng gậy vọt 01 phát vào đầu bị hại D, theo kết luận giám định là nguyên nhân làm người bị hại tử vong nhưng để định tội danh đối với bị cáo cần phải xem xét đầy đủ, toàn diện các yếu tố sau:

Xem xét về động cơ phạm tội của bị cáo T: Giữa bị cáo và bị hại không quen biết nhau, cả hai chỉ có mâu thuẫn trong quá trình tham gia giao thông, là mâu thuẫn nhỏ nên việc bị cáo khai không có động cơ tước đoạt tính mạng của người bị hại là phù hợp. Về công cụ phạm tội: Sau khi bị cáo bị K dùng gậy vọt vào cẳng tay trái, bị cáo đã nhặt 01 đoạn gậy gỗ ở ven đường dài 86cm, đường kính một đầu 4cm, đầu còn lại 2,5cm và dùng chiếc gậy gỗ này vọt bị hại D, điều này thể hiện bị cáo không chuẩn bị trước về công cụ phạm tội, hành vi dùng gậy đánh bị hại D của bị cáo là bột phát. Bị cáo đã có hành vi dùng chiếc gậy gỗ trên vọt 01 phát vào bên mạng sườn trái, 01 phát vào đầu bị hại, sau đó bị cáo đã chấm dứt hành vi mặc dù bị cáo có thể thực hiện tiếp hành vi đánh bị hại, khi nhóm của bị hại bỏ chạy bị cáo chỉ đuổi theo một đoạn từ 5-6m rồi quay lại, không truy đuổi tới cùng, do vậy thể hiện hành vi tấn công của bị cáo là không quyết liệt. Bị hại sau khi bị đánh đã được K dìu bỏ chạy và đưa đi cấp cứu nên mặc dù bị cáo không cấp cứu bị hại nhưng xác định bị cáo không có ý thức để mặc cho hậu quả chết người xảy ra vì bị hại đã được người khác đưa đi cấp cứu.

Theo lời khai của bị cáo T về mục đích dùng gậy đánh bị hại D là do nhóm của bị hại đã có hành vi dùng gậy đánh nhóm của bị cáo trước, bị cáo cũng bị K dùng gậy vọt 01 phát vào tay nên bị cáo đã bức tức và nhặt 01 đoạn gậy ở ven đường để đánh nhau, do bị hại đang đánh nhau với C là người trong nhóm của bị cáo và cự ly ở vị trí gần bị cáo nhất nên bị cáo đã dùng gậy vọt bị hại D, mục đích bị cáo chỉ nhằm đánh cảnh cáo, không nhằm tước đoạt tính mạng của người bị hại. Ngoài ra, về không gian, thời gian khi xảy ra sự việc đánh nhau: Lúc này thời gian là buổi tối, có ánh sáng trăng mờ, bị cáo không nhìn rõ bị hại, ý thức của bị cáo chỉ dùng gậy nhằm vọt vào người bị hại, không xác định chính xác vọt vào vị trí nào trên cơ thể người bị hại.

Xét thấy, lời khai của bị cáo T về mục đích thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với hành vi khách quan của bị cáo, động cơ phạm tội, công cụ phạm tội, không gian thời gian phạm tội như phân tích trên đây. Do vậy có đủ căn cứ xác định về ý thức chủ quan của bị cáo T khi thực hiện hành vi dùng gậy đánh bị hại

D là không nhằm tước đoạt tính mạng của bị hại D, việc bị hại chết là nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Do hậu quả bị hại D chết nên hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại cho rằng bị cáo đã có hành vi dùng gậy là hung khí nguy hiểm đánh 01 phát vào đầu của bị hại là vùng nguy hiểm và sau khi đánh bị hại đã không cấp cứu bị hại, có ý thức bỏ mặc hậu quả chết người xảy ra nên đã phạm tội Giết người là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ phân tích trên xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Triệu Phúc T về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “Làm chết người” theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, xử phạt bị cáo 09 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị chuyển tội danh đối với bị cáo sang tội “Giết người” là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện bị hại ông Nguyễn Văn U đề nghị tăng mức bồi thường đối với bị cáo Triệu Phúc T:

Về đề nghị tăng mức bồi thường đối với khoản tiền chi phí điều trị và mai táng phí của người đại diện bị hại: Xét thấy Bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo T phải bồi thường cho đại diện bị hại ông U và bà L các khoản tiền sau: Tiền xe đưa đi cấp cứu 1.600.000đ; Tiền xe đưa xác bị hại về 3.500.000đ; Tiền mổ 2.500.000đ; Tiền chuyển khoa cấp cứu 2.500.000đ; Tiền thuốc cấp cứu 2.000.000đ; Tiền mua quan tài 15.000.000đ; Tiền thuê phòng bạt dựng đám ma 7.800.000đ; Tiền công 5 người chăm sóc trong 02 ngày bị hại nằm viện 2.000.000đ; Tiền mua đồ dùng cá nhân như quần áo, hương, nến, hoa quả thắp hương 1.500.000đ; Tổng cộng là: 38.400.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với thông lệ chung ở địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường về khoản tiền chi phí điều trị, mai táng phí của người đại diện bị hại.

Về đề nghị tăng mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người đại diện bị hại: Theo Điều 591 Bộ luật dân sự quy định mức bồi thường tối đa cho một người có tính mạng bị xâm phạm không quá 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Trong vụ án này, người bị hại cũng có một phần lỗi nên cũng phải gánh chịu một phần thiệt hại, tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo chỉ phải bồi thường số tiền là 50 tháng lương cơ sở là thấp, vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại, tăng mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho đại diện bị hại ông U và bà L lên mức 80 tháng lương cơ sở, tương ứng với số tiền 111.200.000đ là phù hợp.

[4] Về án phí: Đại diện bị hại không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm; do mức bồi thường tăng lên nên bị cáo phải chịu khoản tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo chuyển tội danh từ tội “*Cố ý gây thương tích*” sang tội “*Giết người*” của người đại diện bị hại là ông Nguyễn Văn U; giữ nguyên bản án số 46/2018/HS - ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai về phân trách nhiệm hình sự như sau:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Phúc T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2018.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự của người đại diện bị hại là ông Nguyễn Văn U; sửa một phần bản án số: 46/2018/HS -ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai về phân trách nhiệm dân sự như sau:

Căn cứ Điều 584; Điều 591 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Phúc T phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L gồm:

+ 38.400.000đ (*ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền chi phí cho việc cứu chữa, mai táng đối với bị hại Nguyễn Văn D;

+ 111.200.000đ (*một trăm mười một triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền tổn thất tinh thần;

+ Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 149.600.000đ (*một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Xác nhận gia đình bị cáo đã nộp bồi thường 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), hiện số tiền này đang được Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai quản lý; xác nhận bố đẻ bị cáo là ông Triệu Văn M đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Văn D số tiền 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*). Như vậy, tổng cộng gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho đại diện bị hại ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L số tiền là 49.600.000đ (*bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Triệu Phúc T phải chịu 2.480.000đ (*hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- Trại tạm giam;
- CQCSĐT CA V;
- CQTHAHS CA V
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- THADS huyện V;
- Người bào chữa; người bảo vệ;
- Bị cáo; Đại diện bị hại (2); Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Lâm Hồng

